

Bản án số: 175/2024/HNGĐ- ST
Ngày 31/12/2024
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Nam.

Bà Trần Thị Sầm.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày **31** tháng **12** năm **2024** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 181/2024/TLST- HN, ngày 25 tháng 4 năm 2024; về việc “xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 524/2024/QĐXXST-HN ngày 15/11/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 584A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 584B/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Lê Văn K sinh năm 1972; *Trú tại:* Ấp Thành L, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* **Bị đơn:** Nguyễn Thị H, sinh 1981; *Trú tại:* Ấp Thành L, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thành L, sinh năm 1998; *Trú tại:* Ấp Thành L, xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh K trình bày:

Vào năm 2013 tôi và H đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, chúng tôi sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với H.

Quá trình sống chung vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập thửa đất số 69 tờ bản đồ số 14 diện tích 1675.8m² và căn nhà tường cấp 4 cất trên đất. Theo kết quả định giá của cơ quan chuyên môn gồm giá trị đất, cây trồng và nhà trên đất có giá trị 952.000.000 đồng. Tuy nhiên tôi chỉ yêu cầu chia cho tôi giá trị 300.000.000 đồng (gồm ½ giá trị căn nhà chính, nếu giá trị căn nhà chính chưa đủ thì chia tiếp giá trị đất cho tôi cho đủ 300.000.000 đồng) và H giao giá trị cho tôi còn H quản lý toàn bộ tài sản nhà đất. Và đồng ý cho H trả giá trị cho tôi trong thời hạn 03 năm mỗi năm trả 100.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án xét xử. Phần tài sản còn lại trên đất tôi không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn Chị H trình bày: về thời gian kết hôn điều kiện thành hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như anh K trình bày là đúng. Nay đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K. Về tài sản chung quá trình sống chung quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập thửa đất số 69 tờ bản đồ số 14 diện tích 1675.8m² và căn nhà tường cấp 4 cất trên đất như anh K trình bày. Tuy nhiên tài sản trên có một phần công sức đóng góp của con riêng tôi là Nguyễn Thành L. Do L không có tranh chấp hay yêu cầu công sức của L mà để vợ chồng tôi tự phân chia nên tôi đồng ý và do giá trị anh K yêu cầu chia cho anh chỉ 300.000.000 đồng trong tổng khối tài sản, nên tôi thấy cũng phù hợp, nên tôi đồng ý chia giá trị cho anh K 300.000.000 đồng như anh K yêu cầu, nhưng thời gian thực hiện tôi chỉ đồng ý hoàn giá trị cho anh K mỗi năm 30.000.000 đồng, không đồng ý mỗi năm 100.000.000 đồng như anh K yêu cầu.

Tại văn bản nêu ý kiến và xin vắng mặt ngày 26/12/2024 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành L trình bày: Tôi là con riêng của bà Nguyễn Thị H, quá trình sống chung với ông K, bà H tôi có đóng góp vào khối tài sản chung mà ông K, bà H đang tranh chấp, tuy nhiên việc đóng góp công sức của tôi thì tôi không tranh chấp và yêu cầu giải quyết, tôi tự nguyện để cho ông K, bà H toàn quyền sở hữu, định đoạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 33, 38, 39 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K.

Về con chung, nợ chung: Không có nên không xem xét

Tài sản chung: Đề nghị công nhận cho chị H được quyền sở hữu toàn bộ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 14 diện tích 1675.8m² và căn nhà tường cấp 4 xây cất trên đất và tất cả các tài sản hiện hữu trên đất và buộc chị H có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho anh K 300.000.000 đồng, đề nghị ghi nhận ý chí tự nguyện của anh K mỗi năm buộc chị H hoàn giá trị cho anh K 100.000.000 đồng để khi hoàn tất số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh K cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó anh khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh K có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh K là tranh chấp về việc ly hôn, chia tài sản chung. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh K, chị H kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa anh K vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn chị H cũng đồng ý ly hôn, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K là phù hợp.

[2] Về con chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có tạo lập thửa đất số 69 tờ bản đồ số 14 diện tích 1675.8m² và căn nhà tường cấp 4 cất trên đất. Theo kết quả định giá của cơ quan chuyên môn gồm giá trị đất 418.000.000 đồng, căn nhà chính trên đất có giá trị 361.564.000 đồng, nhà phụ, chi phí tu bổ căn nhà và cây trồng trên đất với tổng giá trị các tài sản trên là 952.000.000 đồng. Đây là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nên được xem là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên anh K chỉ yêu cầu chia cho anh giá trị 300.000.000 đồng (gồm 1/2 giá trị căn nhà chính và một phần giá trị diện tích đất) phần tài sản còn lại anh không tranh chấp hay yêu cầu. Việc yêu cầu phân chia của anh K chưa được 1/3 của tổng giá trị tài sản, có lợi cho chị H và anh K đã có tính đến công sức của con riêng chị H, do anh L con riêng chị H không có tranh chấp hay yêu cầu mà để cho vợ chồng anh K tự định đoạt là ý chí tự nguyện, nên ghi nhận. Ngoài ra nếu phân chia cho anh K 300.000.000 đồng gồm 1/2 giá trị căn nhà chính cho anh K đã gần đủ 300.000.000 đồng, nên một phần giá trị còn lại của thửa đất 69 nếu chia đất sẽ không đảm bảo diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật và chị H cũng đồng ý hoàn giá trị 300.000.000 đồng cho anh K là phù hợp pháp luật, nên ghi nhận. Việc chị H xin thời gian hoàn giá trị mỗi năm

30.000.000 đồng không được anh K đồng ý, nên không thể ghi nhận. Tuy nhiên anh K đồng ý cho H trả giá trị cho anh trong thời hạn 03 năm mỗi năm trả 100.000.000 đồng kể từ ngày Tòa án xét xử là ý chí tự nguyện, nên ghi nhận.

[4] Chi phí đo đạc định giá tài sản 3.197.000 đồng anh K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[5] Anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh K, chị H phải chi án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng với tài sản mỗi người được phân chia.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 33, 38, 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn K. Anh Lê Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Tài sản chung: Chị H được quyền quản lý sử dụng toàn bộ thửa đất số 69 tờ bản đồ số 14 diện tích 1675.8m² và căn nhà tường cấp 4 cất trên đất và tất cả các tài sản cây trồng trên đất (có hồ sơ trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo) và chị H có nghĩa vụ hoàn lại cho anh K 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng với thời hạn mỗi năm hoàn lại 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đến khi hoàn tất số tiền 300.000.000 đồng, thời gian bắt đầu tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/12/2024).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và đến thời điểm trả nợ, khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị anh K, nếu chị H chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Chi phí đo đạc định giá tài sản 3.197.000 đồng anh K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Án phí: Anh K chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 15.000.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005368 và 10.000.000 đồng theo biên lai thu số 0005369 cùng ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, nên phải nộp thêm 4.700.000 đồng. Chị H chịu 23.978.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- UBND xã Thành Thới A (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký